

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KINH MÔN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 15-4-2021

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Huy và bà Đinh Thị Tin

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương  
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn,  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2020/TLST-  
HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 22  
tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày  
08-4-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1980

Tên gọi khác: Nguyễn Văn H1

Nơi cư trú: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương

( *Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-7-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án  
nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang H1 được  
tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là Ủy  
ban nhân dân phường P) vào ngày 4-3-2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống

hòa thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 thiếu quan tâm chăm sóc đến vợ con và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Việc anh H1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác chị không có căn cứ để cung cấp cho Tòa án. Trong lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau anh H1 còn chửi bới, xúc phạm chị. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 mỗi người ở một nơi. Đến đầu năm 2020 anh H1 đến gặp chị xin lỗi để vợ chồng đoàn tụ, chị đồng ý về chung sống với anh. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Từ tháng 7-2020 anh H1 và chị tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh H1 thường xuyên đến chỗ ở của mẹ con chị để đe dọa chửi bới chứ không nói chuyện hòa giải gì. Quá trình chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị xác định anh H1 có biết nhưng cũng không lần nào đến gặp chị để nói chuyện. Anh H1 không đến Tòa án làm việc là cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn còn thực tế anh vẫn có mặt ở địa phương. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01-5-2001 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 27-01-2006. Hiện nay cháu T đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu O đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu O và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị có nhà ở riêng và công việc bán hàng, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/ tháng. Do vậy chị đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là anh Nguyễn Quang H1 tuy nhiên chỉ giao được các văn bản trên cho bà Mạc Thị N là mẹ đẻ anh H1 nhận thay. Bà N sau khi nhận các văn bản trên đã giao và thông báo lại cho anh H1 được biết. Tuy nhiên anh H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm việc. Qua quá trình làm việc với bà N, bà có trình bày lại ý kiến của anh H1 như sau: Chị H muốn ly hôn thì tự giải quyết một mình, anh không đến Tòa án để làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-01-2021 của bà N, bà trình bày như sau: Anh Nguyễn Quang H1 và chị Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào năm 2000. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng vợ chồng bà một thời gian sau đó ra ở riêng. Anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng 2 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Quá trình vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H xin ly hôn anh H1 bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ là điều tốt nhất còn nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết cho chị. Hiện nay anh H1 đang sinh sống tại nhà riêng của mình có địa chỉ tại khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Anh H1 làm nghề lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà, chỉ thỉnh thoảng mới về qua nhà.

Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thị Kim O. Hiện nay cả 2 cháu đều đang ở cùng với chị H. Cháu T đã trưởng thành và đi làm còn cháu O đang đi học.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Quang H1.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 27-01-2006 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Quang H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh H1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang H1 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017, sau đó đến đầu năm 2020 anh chị lại về đoàn tụ. Tuy nhiên cuộc sống gia đình vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn, từ tháng 7-2020 đến nay anh chị sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Trong quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh H1, mặc dù anh đã biết nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tòa án đã nhiều lần thông báo tiến hành hòa giải nhưng anh H1 không đến. Điều đó càng chứng tỏ anh không có ý thức mong muốn đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01-5-2001 và Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 27-01-2006. Cả hai cháu hiện nay đều đang ở cùng với chị H. Cháu T đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O. Mặt khác cháu O có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Xét

nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kim O cho chị H được nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Quang H1 (Nguyễn Văn H1).

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 27-01-2006 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 01-5-2001 đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004015 ngày 13-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nguyệt**